

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 05/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 15/05/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	27207137198	Đỗ Thị Kim	Anh	18/05/2003	Đà Nẵng	31SSC1	V	V	Không Đạt	
2	28214350601	Lê Đình	Anh	26/03/2004	Đà Nẵng	30THT15	8.0	5.3	Đạt	
3	26212934600	Nguyễn Xuân	Biển	04/03/1993	Bắc Ninh	31SSC1	8.7	9.0	Đạt	
4	28218001389	Phạm Quốc	Đạt	05/06/2004	Nha Trang	31CBN1	5.7	3.3	Không Đạt	
5	26215132723	Phan Lê	Duy	25/07/2002	Quảng Ngãi	31SSC1	6.3	5.3	Đạt	
6	24217209285	Trương Văn	Duy	30/10/2000	Đà Nẵng	30THT15	V	V	Không Đạt	
7	27202145279	Võ Thị Trương	Duyên	01/01/2003	Bình Định	30SYC4	5.0	3.0	Không Đạt	
8	27202302505	Bùi Nguyễn Hồng	Hà	13/09/2003	Bình Định	30THT15	7.7	7.0	Đạt	
9	28204652440	Phạm Thị Mỹ	Hà	01/06/2004	Quảng Ngãi	31SSC1	6.7	7.8	Đạt	
10	27203102449	Lê Ngọc Châu	Hân	06/10/2003	Đà Nẵng	31CBN1	7.0	6.5	Đạt	
11	27208702913	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	05/12/2003	Cam Ranh	31SSC1	7.0	6.5	Đạt	
12	28204603822	Đỗ Thị Thu	Hậu	01/05/2004	Đắk Lắk	30THT15	5.3	4.3	Không Đạt	
13	27212240878	Võ Hồng	Hiệp	19/11/2003	Quảng Trị	30THT15	7.7	7.9	Đạt	
14	27202426046	Lê Thị Quỳnh	Hoa	17/03/2003	Quảng Trị	30THT15	8.7	6.3	Đạt	
15	26217239719	Đặng Công Nhân	Hòa	09/02/2002	Đà Nẵng	31CBN1	6.7	5.0	Đạt	
16	27211325234	Phạm Tiến	Huy	09/10/2003	Khánh Hòa	31CBN1	9.0	6.0	Đạt	
17	28219602780	Trần Gia	Huy	07/12/2004	Quảng Nam	31SSC1	5.3	4.0	Không Đạt	
18	28204604833	Phạm Thị Thúy	Huyền	09/08/2004	Hà Nam	31CBN1	5.0	5.4	Đạt	
19	27203702322	Trần Thị Ngọc	Huyền	04/03/2003	Đắk Lắk	30THT15	9.7	7.4	Đạt	
20	28213138590	Đặng Anh	Khoa	29/01/2004	Đà Nẵng	31SSC1	7.0	2.0	Không Đạt	
21	27213753009	Nguyễn Anh	Khoa	04/11/2003	Đà Nẵng	30SYC5	5.3	5.9	Đạt	
22	25216209773	Đoàn Đình	Khôi	26/02/2001	Quảng Ngãi	30THT15	4.3	5.9	Không Đạt	
23	28204328236	Nguyễn Mỹ	Linh	15/08/2004	Nghệ An	31SSC1	5.3	5.8	Đạt	
24	28206845712	Phạm Khánh	Linh	15/10/2004	Đà Nẵng	31SSC1	10.0	9.3	Đạt	
25	28204306693	Trần Phạm Phương	Linh	01/01/2004	Bình Định	31SSC1	6.3	5.1	Đạt	
26	27213149427	Nguyễn Thiện	Luân	16/09/2003	Đà Nẵng	31CBN1	6.0	6.3	Đạt	
27	27203334062	Trần Thị Diệu	Ly	10/08/2003	Đà Nẵng	30SHT7	8.0	3.8	Không Đạt	
28	28219201688	Nguyễn Đức	Mạnh	18/11/2004	Quảng Nam	31SSC1	8.0	7.5	Đạt	
29	27212537868	Nguyễn Nhật	Minh	04/06/2003	Quảng Bình	31CBN1	6.0	6.0	Đạt	
30	27202353730	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	07/10/2003	Đà Nẵng	30THT15	9.3	9.5	Đạt	
31	27212245636	Trần Đình	Nghĩa	27/07/2003	Kon Tum	30THT14	9.3	5.5	Đạt	
32	27207127067	Nguyễn Thị Hoài	Ngọc	14/10/2003	Quảng Nam	30THT15	8.3	6.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28204604001	Lê Trần Như	Nguyệt	13/02/2004	Bình Định	31SSC1	9.7	9.5	Đạt	
34	27202401026	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	18/08/2003	Gia Lai	30THT15	9.7	7.4	Đạt	
35	27213153317	Nguyễn Nữ Ny	Ny	15/09/2003	Đắk Lắk	31CBN1	9.3	8.8	Đạt	
36	27211549286	Đào Trần Minh	Phuong	15/12/2003	Bình Định	30THT15	7.3	8.8	Đạt	
37	28204301489	Nguyễn Thị Thu	Phuong	01/09/2004	Quảng Ngãi	31SSC1	6.3	6.0	Đạt	
38	27211343033	Chu Duy	Quang	19/03/2003	Nghệ An	30THT15	7.0	5.5	Đạt	
39	27212221107	Nguyễn Ngọc	Quý	18/02/2003	Thừa Thiên H	31CBN1	5.7	5.9	Đạt	
40	27202601493	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	25/05/2003	Quảng Nam	31CBN1	8.3	9.5	Đạt	
41	28204601522	Nguyễn Võ Như	Quỳnh	24/11/2004	Đà Nẵng	30THT15	5.0	2.9	Không Đạt	
42	28214622833	Phạm Hữu	Tài	02/02/2004	Phú Yên	30THT15	8.0	8.3	Đạt	
43	27203743904	Lê Thị Thanh	Tâm	03/07/2003	Đà Nẵng	30THT15	9.0	6.0	Đạt	
44	27202202987	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	10/07/2003	Đắk Lắk	31CBN1	7.7	9.3	Đạt	
45	27207222325	Vì Thị Hồng	Thắm	16/10/2003	Nghệ An	30THT15	10.0	10.0	Đạt	
46	28206354527	Mai Thị Thanh	Thanh	22/10/2004	Đà Nẵng	31CBN1	5.3	5.0	Đạt	
47	27216729115	Nguyễn Chí	Thanh	11/07/2003	Quảng Bình	31CBN1	5.3	7.3	Đạt	
48	28212302889	Tạ Phong	Thanh	02/02/2004	Bình Định	31SSC1	6.3	8.3	Đạt	
49	28213201394	Huỳnh Phúc	Thành	13/08/2004	Bình Định	31SSC1	8.3	7.8	Đạt	
50	28204901829	Trịnh Thị	Thành	23/09/2004	Quảng Nam	30THT15	8.7	5.8	Đạt	
51	28204601089	Đỗ Hoàng Phương	Thảo	14/02/2004	Quảng Bình	31CBN1	8.7	8.8	Đạt	
52	28204602890	Đỗ Thu	Thảo	22/11/2004	Quảng Nam	31SSC1	8.3	6.9	Đạt	
53	27202141488	Hồ Thị Thu	Thảo	26/09/2003	Đắk Lắk	31CBN1	9.7	6.3	Đạt	
54	28205240706	Phạm Thị Thanh	Thảo	04/03/2004	Nghệ An	31SSC1	V	V	Không Đạt	
55	28219602879	Văn Đức	Thiện	29/09/2004	Quảng Nam	31SSC1	5.7	5.0	Đạt	
56	27218731799	Nguyễn Quang	Thiệu	12/10/2003	Quảng Trị	31CBN1	9.0	6.0	Đạt	
57	28213200428	Lê Bá	Thịnh	12/05/2004	Quảng Nam	31SSC1	3.3	2.0	Không Đạt	
58	27212240202	Trần Nguyễn Hữu	Thịnh	25/04/2003	Đà Nẵng	30THT15	9.0	6.5	Đạt	
59	28204544325	Nguyễn Anh	Thơ	28/05/2004	Quảng Nam	31CBN1	8.3	6.8	Đạt	
60	27207100694	Nguyễn Thị Hồng	Thư	01/01/2003	Quảng Nam	30THT15	8.0	8.8	Đạt	
61	28209404639	Dương Thị	Thương	20/06/2003	Quảng Bình	30THT15	7.3	9.4	Đạt	
62	27202251865	Bùi Biên	Thùy	18/10/2003	Quảng Nam	30THT15	10.0	9.8	Đạt	
63	27212201379	Trần Văn	Tín	04/02/2003	Thừa Thiên H	31CBN1	6.7	9.4	Đạt	
64	28204603245	Trần Thị Thanh	Tĩnh	04/03/2004	Quảng Nam	31SSC1	9.7	5.4	Đạt	
65	26217129382	Nguyễn Hữu Trung	Toàn	08/01/2002	Đắk Nông	30THT15	9.3	7.5	Đạt	
66	28204401811	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	03/08/2003	Quảng Ngãi	30THT15	8.0	3.8	Không Đạt	
67	28204637316	Lương Thị Xuân	Trang	02/09/2004	Quảng Nam	31CBN1	8.0	3.3	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28202737484	Nguyễn Kiều Trang	16/03/2004	Kon Tum	30THT15	2.3	6.0	Không Đạt	
69	27203344228	Nguyễn Thị Huyền Trang	13/05/2003	Quảng Ngãi	30THT11	7.3	5.8	Đạt	
70	27202242551	Võ Thị Tú Trinh	09/05/2003	Bình Thuận	31CBN1	5.0	7.5	Đạt	
71	27212426660	Đoàn Công Trực	09/11/2003	Quảng Nam	30THT15	V	V	Không Đạt	
72	27214301446	Hồ Quốc Trung	18/06/2002	Đắk Lắk	30SHT6	5.3	3.9	Không Đạt	
73	27212241582	Nguyễn Thành Trung	02/06/2003	Quảng Ngãi	31CBN1	8.0	3.5	Không Đạt	
74	28204553660	Nguyễn Thị Thúy Uyên	08/04/2004	Thừa Thiên H	31CBN1	9.0	9.8	Đạt	
75	27203828186	Phan Nguyễn Tường Vi	17/09/2003	Gia Lai	31SSC1	7.3	4.3	Không Đạt	
76	27211549430	Lê Minh Việt	16/05/2003	Nghệ An	30THT15	7.3	5.9	Đạt	
77	27211301693	Võ Duy Vũ	01/11/2001	Quảng Ngãi	30THT15	7.3	6.3	Đạt	
78	27212653620	Đỗ Hồ Trúc Vy	07/12/2003	Bình Định	31SSC1	7.7	7.0	Đạt	
79	28204902639	Hồ Nguyễn Thị Mỹ Yên	10/01/2004	Quảng Nam	30SYC4	7.7	5.0	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh